

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - THANH HÓA**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Thẩm; ông Đặng Thành Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND)
khu vực 6 - Thanh Hóa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử TAND khu vực 6 - Thanh Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 221/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị V - sinh năm 1978

CCCD số 038178014065

Cư trú tại: Thôn Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1982

CCCD số 038082030638

Cư trú tại: Thôn Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2025 và bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị V trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn T chung sống với nhau từ ngày 14/7/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H (cũ) nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình

chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T lờ đờ, thua lỗ rồi sinh ra rượu chè bê bối, chị đã rất nhiều lần khuyên răn không được, anh T liên tục chửi bới, hù dọa bỏ bê vợ con. Hai bên đã hàn gắn nhưng không thành, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Đỗ Thùy L (nữ), sinh ngày 25/11/2003, cháu thứ hai là Đỗ Vĩnh H (nam), sinh ngày 28/01/2016. Hiện nay cháu L đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Vĩnh H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 6- Thanh Hoá đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án trình bày nguyện vọng của anh T về việc chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tuy nhiên anh T không có mặt, không thể hiện quan điểm, nguyện vọng của mình về ly hôn, con cái và tài sản để Tòa án xem xét. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã làm việc với bà Đường Thị C (mẹ đẻ anh T), bà Đường Thị C cho biết: Anh T và chị V đến với nhau tổ chức đám cưới khoảng năm 2003 hay năm 2004 bà không nhớ cụ thể, đến năm 2009 đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thùy L (nữ), sinh năm 2003 và Đỗ Vĩnh H (nam), sinh năm 2016. Trong khi chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau. Anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 221 ngày 01/12/2025 và các Giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh T nói chị V muốn giải quyết ly hôn như thế nào thì tùy chị V còn anh T thì đi làm bận rộn không đến Tòa án làm việc được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 09/01/2026 ông Trần Văn V1- tổ trưởng an ninh thôn Đ, tỉnh Thanh Hóa cho biết: Vợ chồng chị V và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng kết hôn năm 2009 có với nhau hai con chung là Đỗ Thùy L và Đỗ Vĩnh H. Trong thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân như thế nào ông không nắm rõ vì vợ chồng không thông báo với thôn nên trưởng thôn không tổ chức hoà giải. Nay chị V làm đơn ly hôn anh T đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 16/01/2026 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/01/2026, tuy nhiên, anh T vắng mặt không có lý do, chị V có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS),

TAND khu vực 6- Thanh Hoá tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Vũ Thị V](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Vũ Thị V](#) được ly hôn anh [Đỗ Văn T](#)
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Đỗ Vĩnh H](#) (nam), sinh ngày 28/01/2016 cho chị [Vũ Thị V](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động. Anh [T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị [V](#) không yêu cầu. Còn cháu [Đỗ Thùy L](#) (nữ), sinh ngày 25/11/2003 đã đến tuổi thành niên nên không đề nghị Toà án giải quyết
- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu nên đề nghị HĐXX miễn xét.

* Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đề nghị buộc chị [Vũ Thị V](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị [Vũ Thị V](#) khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6 - Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Đỗ Văn T](#). Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn cư trú tại [xã H, tỉnh Thanh Hóa](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị [Vũ Thị V](#) có đơn đề nghị Toà án tiến hành xét xử vắng mặt, anh [Đỗ Văn T](#) vắng mặt lần thứ hai không có lý do. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị [V](#) và anh [T](#) theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị [Vũ Thị V](#) và anh [Đỗ Văn T](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) (cũ), như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị [V](#) là do anh [T](#) lơ đãng, thua lỗ, rượu chè bê bối, chị đã rất nhiều lần khuyên răn không được. Bà [Đường Thị C](#) (mẹ đẻ anh [T](#)) cho biết vợ chồng anh [T](#) chị [V](#) mâu thuẫn là do không hợp nhau. Anh [T](#) đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Toà án và Toà án đã triệu tập anh [T](#) nhiều lần đến

Toà án làm việc nhưng anh [T](#) không đến không thể hiện quan điểm của mình về việc có đồng ý ly hôn hay không.

HĐXX thấy, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị [V](#) và anh [T](#) luôn xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không nói chuyện với nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị [V](#) được ly hôn với anh [T](#) là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là [Đỗ Thùy L](#) (nữ), sinh ngày 25/11/2003 và cháu thứ hai tên là [Đỗ Vĩnh H](#) (nam), sinh ngày 28/01/2016. Chị [V](#) có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu [H](#) đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động, không yêu cầu anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu [L](#) đã đến tuổi thành niên nên không đề nghị Toà án giải quyết. HĐXX thấy: Cháu [H](#) hiện nay đang còn nhỏ để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu, tạo điều kiện cho cháu ổn định về tinh thần và cháu [H](#) cần có bàn tay chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ, hơn nữa nguyện vọng của cháu [H](#) cũng muốn ở với mẹ. Vì vậy, giao cháu [H](#) cho chị [V](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động. Anh [T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị [V](#) không yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Còn cháu [L](#) đã đến tuổi thành niên, chị [V](#) không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị [Vũ Thị V](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

** Căn cứ:*

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1. 1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

** Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị [Vũ Thị V](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Vũ Thị V](#) được ly hôn với anh [Đỗ Văn T](#).

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Đỗ Vĩnh H](#) (giới tính: nam), sinh ngày 28/01/2016 cho chị [Vũ Thị V](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động. Anh [T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [Vũ Thị V](#).

Cháu Đỗ Thùy L (giới tính: nữ), sinh ngày 25/11/2003 đã đến tuổi thành niên
chị V không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom,
chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây
ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người
trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn
xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu nên Tòa án không
giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm
nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị V đã nộp tại Phòng
Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 28/11/2025 theo biên lai thu số:
0003604. Như vậy, chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Vũ Thị V và anh Đỗ Văn T.

Chị Vũ Thị V và anh Đỗ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15
ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp
luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hà Trung
(ĐK 14/7/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ